TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thanh Quyên- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn , nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh L, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp L, xã Đông P, huyện Châu T, tỉnh H (có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Thạch Văn B, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp P, xã Hiếu T, huyện T, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thanh L trình bày:

Vào năm 2011, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Thạch Văn B có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đông P, huyện Châu T, tỉnh H. sau khi cưới chị và anh B về sống chung gia đình chị, lúc đầu cuộc sống

gia đình cũng hạnh phúc, nhưng về sau do tính tình không hợp nhau, anh B thiếu trách nhiệm với gia đình, anh B về nhà cha mẹ ruột để làm ăn nhưng không về thăm vợ con cũng không gửi tiền về phụ nuôi con, chị đã nhiều lần khuyên anh B về để vợ chồng chung sống nhưng anh B không chịu về nên anh chị đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay.

- Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012, hiện con chung đang sống chung với chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Bùi Thanh L yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Thạch Văn B.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 và chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Bùi Thanh L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy khai ngày 21/02/2018 bị đơn anh Thạch Văn B trình bày:

Anh B thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thanh L về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và thời gian ly thân nhau . Anh B thừa nhận trong quá trình chung sống anh và chị L có 01 con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 hiện đang sống chung với chị L. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Bùi Thanh L.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 cho chị Bùi Thanh L tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Thạch Văn B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Thạch Văn B đồng ý giao con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 cho chị Bùi Thanh L tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Vị đề nghị: Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B.Về con chung: Chấp nhận cho chị L được nuôi dưỡng con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 và chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét . Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét .

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B .

[2] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên chị L và anh B đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin thuận tình ly hôn, nghĩ việc xin thuận tình ly hôn của chị L và anh B là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh B có 01 con chung tên Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 , hiện đang sống chung với chị L. Anh B thống nhất giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5]Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Thạch Bùi Phương T, sinh ngày 10/7/2012 cho chị Bùi Thanh L tiếp tục nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thanh L và anh Thạch Văn B thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011762 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Phước A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Kiều Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bé- Đinh Thị Thúy Hằng **Lâm Thị Kiều Trang**